

Số: *23* /2021/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày *20* tháng *12* năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối với các nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Bình Dương.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá ;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về Xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4211/TTr-SXD ngày 15/12/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối với các nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Bình Dương (gọi chung là giá dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng):

1. Đối tượng trả tiền dịch vụ:

Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng (là người trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng hoặc là người có quan hệ với người được táng đứng tên ký hợp đồng sử dụng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng) đối với các nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương (gọi chung là người sử dụng dịch vụ).

## 2. Đối tượng thu tiền dịch vụ:

Đơn vị quản lý vận hành: doanh nghiệp, cơ sở cung ứng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối với các nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương (gọi chung là đơn vị cung ứng dịch vụ).

3. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng quy định tại Quyết định này là cơ sở để ký kết hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng; cơ sở để xác định dự toán kinh phí ngân sách đối với dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

## 4. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng:

- a) Giá dịch vụ tổ chức tang lễ: (đính kèm phụ lục I).
- b) Giá dịch vụ chôn cất và xây dựng mộ: (đính kèm phụ lục II).
- c) Giá dịch vụ chăm sóc mộ phần: (đính kèm phụ lục III).
- d) Giá dịch vụ hỏa táng: (đính kèm phụ lục IV).

## **Điều 2. Chế độ quản lý, sử dụng giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng**

1. Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng có trách nhiệm ký hợp đồng với mức giá do đơn vị cung cấp dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng ban hành và thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ. Mức giá ký hợp đồng không lớn hơn mức giá quy định của Quyết định này.

2. Giá dịch vụ nghĩa trang đã bao gồm thuế giá trị gia tăng; giá dịch vụ hỏa táng bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra.

3. Khi tổ chức thu tiền dịch vụ theo hợp đồng ký với người sử dụng dịch vụ, đơn vị cung ứng dịch vụ phải sử dụng biên lai hoặc hóa đơn cung cấp cho người sử dụng dịch vụ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

## 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu theo quy định của pháp luật:

a) Trường hợp đơn vị cung ứng dịch vụ được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp: số tiền thu từ hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng được tính là doanh thu của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền thu theo chế độ quy định và thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

b) Trường hợp đơn vị cung ứng dịch vụ là đơn vị sự nghiệp công lập: số tiền thu từ hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng được để lại toàn bộ và bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động hằng năm của đơn vị sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.



5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh căn cứ mức giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng; có trách nhiệm tổ chức, quản lý việc thu và niêm yết giá công khai đúng quy định, hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện theo Quyết định này.

6. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi các yếu tố cấu thành giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành lập phương án giá thay thế báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

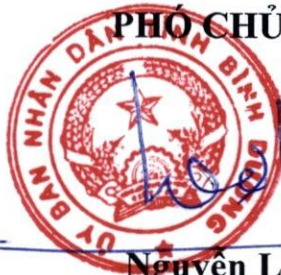
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQVN; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT tỉnh;
- CSDLQG về PL (Sở Tư pháp);
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo; Website tỉnh;
- LĐVT, Km, TH;
- Lưu: VT. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lộc Hà**

**PHỤ LỤC I**  
**GIÁ DỊCH VỤ TỔ CHỨC TANG LỄ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 23 /2021/QĐ-UBND*  
*ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương)*

Mã hiệu	Dịch vụ tại nhà tang lễ	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
DV1.1101	Sảnh tổ chức tang lễ ≤ 35 m <sup>2</sup>	đồng/ngày	500.000	Bao gồm trang thiết bị như quạt, bàn, ghế.
DV1.1102	Sảnh tổ chức tang lễ ≤ 50 m <sup>2</sup>	đồng/ngày	650.000	Bao gồm trang thiết bị như quạt, bàn, ghế.
DV1.1103	Sảnh tổ chức tang lễ ≤ 70 m <sup>2</sup>	đồng/ngày	850.000	Bao gồm trang thiết bị như quạt, bàn, ghế.
DV1.1104	Sảnh tổ chức tang lễ > 70 m <sup>2</sup>	đồng/ngày	1.000.000	Bao gồm trang thiết bị như quạt, bàn, ghế.
DV1.1105	Phòng dịch vụ nghỉ ngơi (máy lạnh)	đồng/ngày	350.000	Bao gồm 1 giường đôi 1,6 x 2 m, bàn, tủ.
DV1.1106	Phòng dịch vụ tiếp khách (máy lạnh)	đồng/ngày	850.000	Bao gồm trang thiết bị như quạt, bàn, ghế.
DV1.1107	Dịch vụ trang trí lễ tang theo nghi thức Phật giáo	đồng/lần	2.100.000	Bao gồm bàn thờ lễ, tượng Phật, phong màn, hoa.
DV1.1108	Dịch vụ trang trí lễ tang theo nghi thức Thiên Chúa giáo	đồng/lần	2.000.000	Bao gồm bàn thờ lễ, tượng Chúa, phong màn, hoa.
DV1.1109	Dịch vụ giữ xe máy khách viếng	đồng/lượt	5.000	Thu trên lượt khách viếng.
DV1.1110	Dịch vụ giữ xe máy khách viếng (trọn gói)	đồng/ngày	450.000	Trọn gói (đối với sảnh tổ chức tang lễ > 70 m <sup>2</sup> ).
DV1.1111	Xe bus đưa tang 16 chỗ	đồng/lượt đi về	900.000	Trả khách tại nhà tang lễ (cự ly 2 chiều không quá: 80km).
DV1.1112	Xe bus đưa tang 30 chỗ	đồng/lượt đi về	1.700.000	Trả khách tại nhà tang lễ (cự ly 2 chiều không quá: 80km).
DV1.1113	Xe bus đưa tang 50 chỗ	đồng/lượt đi về	2.000.000	Trả khách tại nhà tang lễ (cự ly 2 chiều không quá: 80km).

**PHỤ LỤC II**  
**GIÁ DỊCH VỤ CHÔN CẮT VÀ XÂY DỰNG MỘ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 23 /2021/QĐ-UBND*  
*ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương)*

Stt	Dịch vụ mai táng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác đào, xây kim tĩnh</b>			
1	Công tác đào, xây gạch huyệt mộ thủ công, kích thước 2,2m x 0,9m x 1,5m	đồng/cái	5.071.000	Bao gồm đào huyệt (đất cấp 3), xây kim tĩnh dày 8 cm, mác vữa 75, trát vữa xi măng mác 75, dày 1cm, lấp cát hoàn thiện.
2	Công tác đào, xây huyệt mộ thủ công, kích thước 1,2m x 0,8m x 0,8m	đồng/cái	1.364.000	Bao gồm đào huyệt (đất cấp 3), xây kim tĩnh dày 8 cm, mác vữa 75, trát vữa xi măng mác 75, dày 1cm, lấp cát hoàn thiện.
3	Công tác đào bằng máy, xây tường gạch huyệt mộ thủ công, kích thước 2,2m x 0,9m x 1,5m	đồng/cái	3.061.000	Bao gồm đào huyệt bằng máy (đất cấp 3), xây kim tĩnh dày 8 cm, mác vữa 75, trát vữa xi măng mác 75, dày 1cm, lấp cát hoàn thiện.
4	Công tác đào bằng máy, xây huyệt mộ thủ công, kích thước 1,2m x 0,8m x 0,8m	đồng/cái	947.000	Bao gồm đào huyệt bằng máy (đất cấp 3), xây kim tĩnh dày 8 cm, mác vữa 75, trát vữa xi măng mác 75, dày 1cm, lấp cát hoàn thiện.
5	Công tác đào, đổ bê tông huyệt mộ bằng máy, kết hợp thủ công, kích thước 2,2m x 0,9m x 1,5m	đồng/cái	3.767.000	Bao gồm đào huyệt bằng máy (đất cấp 3), đổ bê tông kim tĩnh (Mác 250), dày 10 cm bằng thủ công, lấp cát hoàn thiện
6	Công tác đào, đổ bê tông huyệt mộ bằng máy, kết hợp thủ công, kích thước 1,2m x 0,8m x 0,8m	đồng/cái	1.190.000	Bao gồm đào huyệt bằng máy (đất cấp 3), đổ bê tông kim tĩnh (Mác 250), dày 10 cm bằng thủ công, lấp cát hoàn thiện.
<b>II.</b>	<b>Công tác xây huyệt mộ</b>			



1	Xây mộ cát táng- kích thước 1,5m x 1m x 1,5m, quét vôi.	đồng/cái	1.890.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện quét vôi theo đúng kích thước.
2	Xây mộ cát táng- kích thước 1,5m x 1m x 1,5m, ốp gạch men.	đồng/cái	7.374.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện ốp gạch men theo đúng kích thước.
3	Xây mộ cát táng- kích thước 1,5m x 1m x 1,5m, ốp đá hoa cương.	đồng/cái	13.667.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện ốp đá hoa cương theo đúng kích thước. Mộ ốp đá hoa cương theo đúng kích thước.
4	Xây mộ hung táng- kích thước 2,7m x 1,2m x 0,8m, quét vôi.	đồng/cái	1.991.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện quét vôi theo đúng kích thước.
5	Xây mộ hung táng- kích thước 2,7m x 1,2m x 0,8m, ốp gạch men.	đồng/cái	7.593.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện ốp gạch men theo đúng kích thước.
6	Xây mộ chôn cất 1 lần- kích thước 2,7m x 1,6m x 2m, quét vôi.	đồng/cái	4.519.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện quét vôi theo đúng kích thước.
7	Xây mộ chôn cất 1 lần- kích thước 2,7m x 1,6m x 2m, ốp gạch men.	đồng/cái	17.554.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện ốp gạch men theo đúng kích thước.
8	Xây mộ chôn cất 1 lần- kích thước 2,7m x 1,6m x 2m, ốp đá hoa cương.	đồng/cái	32.191.000	Bao gồm xây mộ bằng gạch 8x8x18 (mác 75), trác vữa và hoàn thiện ốp đá hoa cương theo đúng kích thước.

**PHỤ LỤC III**  
**GIÁ DỊCH VỤ CHĂM SÓC MỘ PHẦN**  
 (Kèm theo Quyết định số 83/2021/QĐ-UBND  
 ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương)



*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Loại công tác	Đơn vị	Giá dịch vụ
	Chăm sóc mộ phần – kích thước:		
1	Mộ cát táng: 1,5m x 1m x 1,5m	Mộ phần/lần/năm	21.000
2	Mộ hung táng: 2,7m x 1,2m x 0,8m	Mộ phần/lần/năm	23.000
3	Mộ chôn cất 1 lần: 2,7m x 1,6m x 2m	Mộ phần/lần/năm	41.000

**Ghi chú:** Giá dịch vụ chăm sóc mộ phần bao gồm các công việc

- Nhổ sạch cỏ dại trong khu mộ, gom đống đúng nơi quy định;
- Quét rác, các tạp chất trên cỏ và đường đi tại khu vực mộ;
- Cọ rửa, lau chùi phần mộ được ốp gạch, đá;
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

**PHỤ LỤC IV**  
**GIÁ DỊCH VỤ HỎA TÁNG**  
 (Kèm theo Quyết định số: 28/2021/QĐ-UBND  
 ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương)



Stt	Loại công tác	Đơn vị	Giá dịch vụ
	Hỏa táng thi hài – kích thước áo quan:		
1	- Áo quan cỡ nhỏ - quách	đồng/cái	1.919.000
2	- Áo quan có chiều cao <0,65m	đồng/cái	2.265.000
3	- Áo quan có chiều cao từ 0,65m đến <0,8m	đồng/cái	3.139.000
4	- Áo quan có chiều cao từ 0,8m đến <1m	đồng/cái	3.320.000
5	- Áo quan có chiều cao từ 1m đến <1,2m	đồng/cái	3.532.000
6	- Áo quan có chiều cao trên 1,2m	đồng/cái	3.892.000

**Ghi chú:** Giá dịch vụ hỏa táng thi hài bao gồm các công việc

- Đón quan tài, di chuyển quan tài vào khu vực nâng hạ quan tài tự động để làm lễ, sau đó đưa xuống khu vực lò;
- Di chuyển quan tài vào lò đốt qua hệ thống xe đẩy và bàn nâng;
- Thiết lập thông số, vận hành lò đốt, theo dõi quá trình đốt;
- Lấy tro cốt sau khi đốt xong;
- Xử lý tro thiêu sau khi đốt xong, nhân viên gấp tro cốt cho vào hũ.

Giá trên chưa bao gồm các chi phí: trang trí, thuê sảnh tổ chức tang lễ; hũ đựng tro cốt và các chi phí phát sinh khác được thảo thuận giữa các bên.